TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LỘC** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HS-ST
Ngày 22-01-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thị Mỹ Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hứa Văn Trung
Bà Đoàn Thị Tuyết Nhung

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Mạc Thị Sầm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Lộc Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: l29/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 08/QĐ-TA, ngày 15 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Vi Văn Đ (tên gọi khác: Không), sinh ngày 15/02/1990 tại thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số A, ngõ B, đường T, thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn B và bà Nguyễn Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh L từ ngày 08/4/2023 đến nay. Có mặt.

2. Hoàng Thị T (tên gọi khác: Không). Sinh ngày 14/4/2001 tại huyện N, tỉnh Tuyên Quang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T1 (đã chết) và con bà Nông Thị H1: chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh L từ ngày 08/4/2023 đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Hoàng Thị T*:* Ông Vũ Văn Đ1, Luật sư thực hiện Trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Vương Văn Đ2, sinh năm 1989; địa chỉ: Số A, đường M, khối I, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Anh Vũ Anh T2, sinh năm 1996, trú tại: Số A, đường M, khối I, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 2002; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang; chỗ ở: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nơi tạm trú: Số F, đường P, tổ C, khối I, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

4. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1999; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:Thôn Đ, xã P, huyện S, thành phố Hà Nội; nơi tạm trú: Số F, đường P, tổ C, khối I, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

5. Chị Nông Thu H2, sinh năm 1998; nơi cư trú: Số nhà E, ngõ F, đường T, thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ 40 phút ngày 08/4/2023, Tổ Công tác Phòng Cảnh sát điều tra về tội phạm ma tuý Công an tỉnh L tiến hành kiểm tra nhà nghỉ N (địa chỉ: Tổ B, khối F, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn) phát hiện tại phòng 304 có 06 đối tượng gồm: Vương Văn Đ2 (sinh năm 1989; địa chỉ: địa chỉ: Số A, đường M, khối I, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vũ Anh T2, sinh năm 1996, trú tại: Số A, đường M, khối I, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vi Văn Đ, sinh năm 1990, địa chỉ: Số A, ngõ B, đường T, thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Hoàng Thị T, sinh năm 2001, địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Tuyên Quang; Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 2002; chỗ ở: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nơi tạm trú: Số F, đường P, tổ C, khối I, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Nguyễn Thị L, sinh năm 1999; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã P, huyện S, thành phố Hà Nội; nơi tạm trú: Số F, đường P, tổ C, khối I, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn có biểu hiện sử dụng trái phép chất ma tuý.

Tang vật thu giữ: 01 đĩa sứ màu trắng, bên trên có tinh thể màu trắng; 01 ống hút màu đen; 02 túi nilon dạng zip; 01 thẻ ATM cùng một số tang vật khác.

Tại cơ quan điều tra các đối tượng khai nhận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 07/4/2023, Vi Văn Đ dự sinh nhật bạn tại quán Đ5 tại khu đô thị P, phường H, thành phố L thì gặp Vương Văn Đ2. Đến khoảng 00 giờ ngày 08/4/2023, khi Đ về nhà ngủ thì được Vương Văn Đ2 gọi điện rủ sang nhà Vũ Anh T2 chơi. Vi Văn Đ đồng ý và đón xe taxi đến nhà Vũ Anh T2 và mua đồ nướng về cả 03 người cùng ăn uống rượu. Đến 05 giờ sáng cùng ngày Vi Văn Đ rủ Vương Văn Đ2, Vũ

Anh T2 đi thuê nhà nghỉ để sử dụng ma tuý. Vi Văn Đ gọi điện thoại cho Hoàng Thị T (là nhân viên phục vụ quán Karaoke có quan hệ tình cảm với Đ) vay tiền để mua ma tuý. Hoàng Thị T chuyển qua số tài khoản T3 số tài khoản 1903057167105 của Vi Văn Đ số tiền 8.000.000 đồng. Vi Văn Đ gọi taxi rồi cùng Đ2, T2 đến nhà nghỉ N (khối F, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn) thuê phòng 304. Do nhà nghỉ không có loa, đèn nên Vi Văn Đ gọi điện cho Hoàng Thị T bảo đi thuê loa, đèn mang đến nhà nghỉ, đồng thời bảo T gọi thêm 02 bạn nữ đến sử dụng ma tuý cùng. Hoàng Thị T nhất trí và thuê loa đèn với Vũ Đoàn Việt C là người quản lý của T và rủ Nguyễn Thị Hải Y (bạn cùng làm quán hát) đi cùng đến nhà nghỉ N.

Vi Văn Đ gọi điện cho Hồ Tuấn L1 (sinh năm 1996, địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện C, tỉnh Lạng Sơn) hỏi mua ma tuý. L1 đồng ý bán cho Đ 06 viên ma tuý "Kẹo" và 01 chỉ Ketamine với giá 6.700.00 đồng. Đ đã đặt mua và chuyển số tiền trên vào số tài khoản của Hồ Tuấn L1 tại Ngân hàng C (số tài khoản 104867218158) và bảo L1 mang số ma tuý trên đến nhà nghỉ N. Hồ Tuấn L1 đã bắt taxi mang số ma tuý trên đến nhà nghỉ N cho Đ. Sau khi nhận ma tuý, Đ mang lên phòng 304. Hoàng Thị T là người hơ nóng chiếc đĩa sứ, Đ đổ số ma tuý vừa mua được ra đĩa, T dùng thẻ ATM xào ma tuý Ketamine thành từng đường trên đĩa. Đ bỏ 06 viên ma tuý "Kẹo" ra để mọi người sử dụng. Tất cả 05 người gồm: Đ, T, Đ2, T2, Y cùng sử dụng ma tuý. Sau đó Hoàng Thị T gọi điện cho Nguyễn Thị L (cũng là nhân viên quán hát) rủ đến nhà nghỉ N sử dụng ma tuý. Khi đến nơi, L cũng sử dụng ma tuý bằng cách hít vào mũi. Đến 11 giờ 00 phút cùng ngày 08/4/2023, bị Công an bắt quả tang như đã nêu trên.

Kết luận giám định số 451/KL-KTHS ngày 12/4/2013 của Phòng K1 Công an tỉnh L kết luận: Chất tinh thể màu trắng gửi giám định đều là chất ma túy Ketamine, có khối lượng Ketamine 0,075 gam (đã trừ bì).

Tại bản Cáo trạng số 148/CT-VKS-P2, ngày 27/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Vi Văn Đ, Hoàng Thị T về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo Vi Văn Đ, Hoàng Thị T khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu. Các bị cáo đều thừa nhận việc mua ma tuý, chuẩn bị địa điểm, công cụ phục vụ việc sử dụng là vi phạm pháp luật nhưng do ham chơi nên đã phạm tội.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra đều thừa nhận được tham gia cùng các bị cáo Đ, T sử dụng ma túy nhưng không góp tiền mà được sử dụng chung với các bị cáo.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Vi Văn Đ, Hoàng Thị T phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Vi Văn Đ, Hoàng Thị T; áp dụng thêm đối với bị cáo Hoàng Thị T khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt: Bị cáo Vi Văn Đ 07 (bẩy) năm đến 08 (tám) năm tù giam; bị cáo Hoàng Thị T 07 (bẩy) năm đến 07 (bẩy) năm 06 (sáu) tháng tù giam;

Hình phạt bổ sung: Do các bị cáo Vi Văn Đ, Hoàng Thị T không có nghề nghiệp, không có tài sản nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 đĩa sứ màu trắng, bên trên có tinh thể màu trắng bám trên đĩa;

+ 01 ống hút màu đen;

+ 02 túi nilon dạng zip;

+ 01 loa màu đen;

+ 01 hộp đèn màu trắng;

+ 01 hộp đèn màu đen;

+ 01 túi vải màu đỏ;

- Tịch thu hoá giá sung công quỹ Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh của bị cáo Vi Văn Đ (bên trong có 1 sim thuê bao 0987617288);

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh của bị cáo Hoàng Thị T (bên trong có 1 sim thuê bao 0342810331);

- Trả lại cho bị cáo Vi Văn Đ 01 giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Vi Văn Đ; trả lại cho chị Nông Thu H2 01 thẻ ATM.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Trong phần tranh luận các bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị T *bào chữa*: Nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo. Vụ án này có đồng phạm nhưng giản đơn, bị cáo Hoàng Thị T giữ vai trò thứ yếu. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015); bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (khoản 2 Điều 51 của

Bộ luật Hình sự năm 2015). Đề nghị Hội đồng xét xử xét xử mức án 07 (bẩy) năm tù là phù hợp để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Bị cáo Hoàng Thị T nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa và không có ý kiến khác.

Khi nói lời sau cùng bị cáo: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo có cơ hội sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm anh Vương Quang Đ4, anh Vũ Anh T2, chị Nông Thu H2, có đơn xin xét xử vắng mặt; đối với các chị Nguyễn Thị Hải Y, Nguyễn Thị L được Toà án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy những người này đã có lời khai trong hồ sơ. Việc vắng mặt những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và lời khai của người làm chứng, phù hợp với bản Kết luận giám định số 451/KL-KTHS ngày 12/4/2013 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh L và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định: Ngày 08/4/2023, các bị cáo Vi Văn Đ và Hoàng Thị T đã có hành vi mua ma túy, chuẩn bị công cụ, địa điểm để sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với các bị cáo Vi Văn Đ, Hoàng Thị T về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của con người và làm lây lan tệ nạn ma túy. Mặc dù các bị cáo nhận thức được tác hại của việc sử dụng chất ma túy nhưng các bị cáo vẫn tổ chức tập hợp một số người có nhu cầu sử dụng ma túy, chuẩn bị địa điểm, dụng cụ, chất ma túy để sử dụng trái phép nên cần thiết phải xử lý nghiêm minh để giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và phòng

ngừa chung trong xã hội. Để có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử đánh giá về vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của từng bị cáo như sau:

[5] Về vai trò: Bị cáo Vi Văn Đ là người khởi xướng việc sử dụng ma tuý; bị cáo là người thuê địa điểm, mua ma tuý, chuẩn bị ma tuý cho mọi người sử dụng nên bị cáo giữ vai trò cao nhất. Bị cáo Hoàng Thị T giữ vai trò thứ yếu, giúp sức cho bị cáo Vi Văn Đ như cho Đ vay tiền mua ma tuý, thuê loa, đèn mang đến nhà nghỉ N, xào ma tuý cho mọi người sử dụng, gọi người đến nhà nghỉ để sử dụng ma tuý.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Cả 02 bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, cả 02 bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Hoàng Thị T là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[8] Về nhân thân: Cả 02 bị cáo đều là người chưa có tiền án, tiền sự nên đều có nhân thân tốt.

[9] Căn cứ vào tính chất mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ, vai trò của từng bị cáo Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc mức án phù hợp. Đối với bị cáo Vi Văn Đ giữ vai trò chính, chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 nên sẽ chịu mức án cao hơn bị cáo Hoàng Thị T. Tuy nhiên, cũng cân nhắc mức án để đảm bảo vừa mang tính răn đe đối với các bị cáo, vừa phòng ngừa chung trong xã hội và đảm bảo chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với các bị cáo.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần tài sản. Tuy nhiên theo biên bản xác minh thể hiện các bị cáo đều không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy các công cụ phạm tội gồm: 01 đĩa sứ màu trắng, bên trên có tinh thể màu trắng bám trên đĩa; 01 ống hút màu đen; 02 túi nilon dạng zip; 01 loa màu đen; 01 hộp đèn màu trắng; 01 hộp đèn màu đen; 01 túi vải màu đỏ. Tịch thu hoá giá sung công quỹ Nhà nước 02 chiếc điện thoại do các bị cáo sử dụng liên lạc với nhau gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh của bị cáo Vi Văn Đ (bên trong có 01 sim thuê bao 0987617288) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh của bị cáo Hoàng Thị T (bên trong có 01 sim thuê bao 0342810331). Trả lại cho bị cáo Vi

Văn Đ 01 giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Vi Văn Đ vì là giấy tờ tuỳ thân của bị cáo. Trả lại cho chị Nông Thu H2 01 thẻ ATM vì là thẻ của chị Nông Thu H2, các bị cáo sử dụng chị H2 không biết.

[12] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bị cáo Hoàng Thị T là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo Hoàng Thị T. Bị cáo Vi Văn Đ phải chịu án phí.

[13] Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[14] Đối với các đối tượng gồm Vương Văn Đ2, Vũ Anh T2, Nguyễn Thị Hải Y, Nguyễn Thị L qua test nhanh cho kết quả dương tính với chất ma túy K nhưng không tham gia góp tiền và không có hành vi chuẩn bị công cụ để tổ chức sử dụng chất ma túy. Do hành vi của các đối tượng không cấu thành tội phạm nên Công an tỉnh L đã ra Quyết định xử lý vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền, Hội đồng xét xử không xem xét.

[15] Đối với đối tượng Hồ Tuấn L1 bán ma túy cho Vi Văn Đ đã bị khởi tố, truy tố, xét xử trong vụ án khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[16] Đối với Bùi Hoàng Long V là chủ nhà nghỉ N, thời điểm xảy ra sự việc V không có mặt tại nhà nghỉ mà nhờ người nhà là Nông Thu H2 trông hộ. Khi các đối tượng đem ma túy vào phòng 304 thì H2 không biết. Bùi Hoàng Long V đã bị Công an tỉnh L xử phạt hành chính về hành vi kinh doanh cơ sở lưu trú để xảy ra hoạt động sử dụng trái phép chất ma tuý. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[17] Đối với V1 bị cáo Hoàng Thị T khai là người quản lý Hoàng Thị T, Nguyễn Thị Hải Y, Nguyễn Thị L và cho Hoàng Thị T thuê loa, đèn. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng V1 không còn thuê trọ ở địa chỉ trên nên không có cơ sở làm rõ. Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

[18] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[19] Ý kiến bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị T, ý kiến nào có căn cứ pháp luật Hội đồng xét xử chấp nhận, ý kiến không có căn cứ pháp luật, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 38, Điều 50, Điều 58 điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Vi Văn Đ;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 38, Điều 50, Điều 58 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Hoàng Thị T;

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 của Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ các Điều 331, 332, 332 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vi Văn Đ, Hoàng Thị T phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt:

- Hình phạt chính:

+ Xử phạt bị cáo Vi Văn Đ 07 (bẩy) năm 06 (sáu) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 08/4/2023.

+ Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 07 (bẩy) năm tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 08/4/2023.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với cả 02 bị cáo Vi Văn Đ, Hoàng Thị T.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

+ 01 (một) đĩa sứ màu trắng, bên trên có tinh thể màu trắng bám trên đĩa;

+ 01 (một) ống hút màu đen, dài 11,5cm;

+ 02 (hai) túi nilon dạng zip màu trắng;

+ 01 (một) loa màu đen có dòng chữ Harman/kardon;

+ 01 (một) hộp đèn màu trắng;

+ 01 (một) hộp đèn màu đen;

+ 01 (một) túi vải màu đỏ có khoá kéo;

- Tịch thu hoá giá sung công quỹ Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh của bị cáo Vi Văn Đ, số IMEI: 353895104941709 (bên trong có 1 sim thuê bao 0987617288);

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh của bị cáo Hoàng Thị T, số IMEI: 353235109937248 (bên trong có 1 sim thuê bao 0342810331);

- Trả lại cho bị cáo Vi Văn Đ 01 (một) giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Vi Văn Đ;

- Trả lại cho chị Nông Thu H2: 01 (một) thẻ ATM ngân hàng T3 mang tên NONG THU HUONG;

(Các vật chứng trên được ghi chi tiết, cụ thể tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/12/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Vi Văn Đ phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo Hoàng Thị T được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn (02 bản);
- Đội Tổng hợp Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Người có QL, NV liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Lương Thị Mỹ Hạnh